Chi tiết mã HS 3214.10.00

Mã HS	3214.10.00
Mô tả hàng hóa	Ma tít để gắn kính, để ghép nối, các chất gắn nhựa (resin cements), các hợp chất dùng để trát, gắn và các loại ma tít khác; các chất bả bề mặt trước khi sơn; các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt, dùng để phủ bề mặt chính nhà, tường trong nhà, sàn, trần nhà hoặc tương tự / - Ma tít để gắn kính, ma tít để ghép nối, các chất gắn nhựa (resin cements), các hợp chất dùng để trát, gắn và các loại ma tít khác; chất bả bề mặt trước khi sơn
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 13:12:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/32141000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4900
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4900
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4900
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4795
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4756
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4756
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4756
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4756
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4756
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4756
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4800
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4800
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4800
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4800

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4800
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4800
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4798
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4798
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4798
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4798
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4798
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4798
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4798
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4762
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4758
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4758
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4758
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4758
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4758
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4758
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4767
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4767
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4767
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4767
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4767
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4767
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4805
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4805
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4805
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4805

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4805
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4805
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4802
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4802
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4802
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4802
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4802
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4802
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D4810
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E4810
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F4810
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G4810
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H4810
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4810
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D4781
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E4781
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F4781
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G4781
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H4781
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4781
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D4783
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E4783
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F4783
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G4783
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H4783
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4783

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4781
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4781
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4781
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4781
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4781
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4781
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4781
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4802
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4802
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4802
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4802
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4802
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4802
RCEP B	2022	2022	0	B!D4802
RCEP B	2023	2023	0	B!E4802
RCEP B	2024	2024	0	B!F4802
RCEP B	2025	2025	0	B!G4802
RCEP B	2026	2026	0	B!H4802
RCEP B	2027	2027	0	B!I4802
RCEP C	2022	2022	0	C!D4802
RCEP C	2023	2023	0	C!E4802
RCEP C	2024	2024	0	C!F4802
RCEP C	2025	2025	0	C!G4802
RCEP C	2026	2026	0	C!H4802
RCEP C	2027	2027	0	C!I4802
RCEP D	2022	2022	0	D!D4802

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4802
RCEP D	2024	2024	0	D!F4802
RCEP D	2025	2025	0	D!G4802
RCEP D	2026	2026	0	D!H4802
RCEP D	2027	2027	0	D!I4802
RCEP E	2022	2022	0	E!D4805
RCEP E	2023	2023	0	E!E4805
RCEP E	2024	2024	0	E!F4805
RCEP E	2025	2025	0	E!G4805
RCEP E	2026	2026	0	E!H4805
RCEP E	2027	2027	0	E!I4805
RCEP F	2022	2022	0	F!D4802
RCEP F	2023	2023	0	F!E4802
RCEP F	2024	2024	0	F!F4802
RCEP F	2025	2025	0	F!G4802
RCEP F	2026	2026	0	F!H4802
RCEP F	2027	2027	0	F!I4802
VIFTA	2024	2024	3,3	VI!F4425
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G4425
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4425
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4425

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3214.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3214.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4900), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.